

ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN CÂY CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN (1997 - 2010)

ThS NGUYỄN MINH TUẤN

Trường Đại học Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên hội tụ những yếu tố thuận lợi về thổ nhưỡng, khí hậu cho cây chè sinh trưởng và phát triển. Xác định chè là cây công nghiệp mũi nhọn, có thế mạnh và là chủ lực trong phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh, trong những năm 1997-2010, Thái Nguyên dành sự ưu tiên, tập trung các nguồn lực để khai thác hiệu quả, bền vững tiềm năng và lợi thế của cây chè. Nhờ vậy, năng suất và sản lượng của chè Thái Nguyên tăng liên tục. Cây chè từ cây "thoát nghèo" đã trở thành cây "làm giàu" cho nhiều hộ nông dân tỉnh Thái Nguyên.

1. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên

Trong những năm đầu thực hiện CNH, HDH nông nghiệp (1997-2000), việc phát triển cây chè theo hướng sản xuất hàng hóa được Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên hết sức quan tâm. Tại Đại hội lần thứ XV (1997), Đảng bộ chủ trương: tập trung đầu tư thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng chè kết hợp với cải tạo và trồng mới ở các địa phương Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên¹.

Quán triệt chủ trương đó, trong "Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên" (28-7-1998), Tỉnh ủy Thái Nguyên yêu cầu tăng diện tích cây chè trên đất đồi. Đây được coi là hướng chiến lược quan trọng của địa phương². Trong Chương trình thực hiện NQTTU 4 khóa VIII của tỉnh Thái Nguyên, Tỉnh ủy xác định: cây chè vẫn là cây công nghiệp có giá trị kinh tế quan trọng nhất trên vùn đồi; trong tương lai, chè

vẫn là loại nông sản có thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước khá ổn định³. Tỉnh ủy yêu cầu: 1) Tả cả các địa phương tiến hành rà soát lại quy định quy hoạch ưu tiên phát triển nhanh diện tích trồng chè nhằm thực hiện cho mục tiêu đến năm 2000 diện tích chè đạt 11.000 ha. 2) Hướng phát triển diện tích chè chủ yếu trên đất vườn tạp, rừng PAM (dự án của chương trình lương thực thế giới) hiện quả thấp. 3) Khuyến khích các thành phần kinh doanh đầu tư phát triển diện tích chè, đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến và tiêu thụ chè với quy mô khác nhau, đồng thời ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và sản xuất và chế biến chè sạch, chất lượng cao, chiếm lĩnh thị trường trong nước, tham gia xuất khẩu ngày càng cao. 4) Có chính sách ưu đãi về vốn, kỹ thuật đầu tư thâm canh cho vùng sản xuất chè tập trung các huyện Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa, Thái Nguyên và Phố Yên.

Quán triệt chủ trương của Đảng bộ tỉnh, những năm 1997-2000, tỉnh Thái Nguyên thực hiện đồng bộ các khâu sản xuất-chế biến-tiêu thụ chè và đ

xuất được cơ chế chính sách phù hợp cho cây chè. Để khắc phục khó khăn về vốn, Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh thực hiện cho nông dân vay 2,5 triệu đồng/ha trồng chè với lãi suất ưu đãi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng Chính sách xã hội. Theo Quyết định số 1078 QĐ-UB, ngày 21-4-2000, về việc phê duyệt phương án trồng mới, cải tạo, thảm canh chè trên địa bàn tỉnh, người sản xuất được vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trồng mới, cải tạo là 22 triệu đồng/ha, để thảm canh chè là 5 triệu đồng/ha, thời hạn cho vay là 3 năm.

UBND tỉnh ban hành nhiều chính sách và chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tới người sản xuất chè, bước đầu tạo ra nhận thức mới trong sản xuất, chế biến chè; bước đầu quản lý được chất lượng chè giống và chất lượng chè thành phẩm bằng cách ngành nông nghiệp tinh phôi hợp với Viện Nghiên cứu chè Việt Nam, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thái Nguyên tổ chức trồng khảo nghiệm 3 giống chè mới Bát Tiên, Ngọc Thùy, Kim Tuyên làm cơ sở nhân giống đưa vào sản xuất chè đặc sản.

UBND tỉnh cũng chỉ đạo các ban, ngành tích cực thông tin tuyên truyền, quảng bá chè Thái Nguyên như: xây dựng phim về kỹ thuật sản xuất, chế biến chè làm tài liệu tập huấn cho người sản xuất; thường xuyên viết tin bài đăng trên *Tạp chí Người làm chè*, báo *Nông nghiệp Việt Nam*; phối hợp với Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế Canada tổ chức các hoạt động quảng bá chè Thái Nguyên; đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông chuyên về cây chè.

Trong những năm (2001-2010), vai trò, vị thế của cây chè trong ngành nông nghiệp tỉnh ngày càng được khẳng định. Đảng bộ tỉnh chủ trương: tập trung mọi nguồn lực khai thác có hiệu quả, tiềm năng và lợi thế của cây chè Thái Nguyên.

trên cơ sở phát triển đồng bộ sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè gắn với việc áp dụng công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến, sản phẩm đa dạng, an toàn và chất lượng cao, nâng cao vị thế chè Thái Nguyên trên thị trường trong nước và thế giới. Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng bộ tỉnh, trong giai đoạn 2001-2010, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có nhiều chính sách cụ thể để phát triển cây chè:

Thứ nhất, về đất đai-quy hoạch: Tỉnh Thái Nguyên có chính sách giao tối đa đến 5 ha trong thời hạn 50 năm để các hộ yên tâm sản xuất chè. Tỉnh chuyên thêm khoảng 4.500 ha đất đồi núi thích hợp với trồng cây lâu năm để đưa vào trồng chè và cây ăn quả⁴; chuyển đổi 50% diện tích chè giống cũ sang các giống mới, thực hiện thảm canh để có năng suất chất lượng cao; tiến hành quy hoạch diện tích vùng chè nguyên liệu theo hướng: chè xanh 50%, chè cao cấp 30%, chè đen 20%; sản lượng chè năm 2010 đạt 136.000 tấn. Tại những vùng quy hoạch, áp dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, bền vững; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nghiêm ngặt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; xây dựng và tiêu chuẩn chất lượng chè.

Thứ hai, về chính sách tài chính: UBND tỉnh chỉ đạo Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chính sách cho hộ nông dân vay với lãi suất ưu đãi phục vụ cho các dự án trồng và cai tạo, thảm canh chè. Đổi tác đầu tư xây dựng cơ sở chế biến chè ở các xã miền núi được giảm tối đa hoặc không thu tiền đất làm nhà xưởng.

Thứ ba, về giải pháp khoa học, công nghệ: Đưa các giống chè có năng suất chất lượng cao vào sản xuất (thay giống chè Trung du chủ yếu được trồng trước năm 2000 bằng những giống chè như Bát Tiên, LDP1, Keo Am Tich...); áp dụng đồng bộ các kỹ thuật trồng, chế biến, bảo quản, đóng gói; xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá chất lượng chè theo tiêu chuẩn ISO và GMP; xây dựng biểu

tượng và khẩu hiệu (logo và slogan) cho thương hiệu chè Thái Nguyên.

Thứ tư, về quản lý: Tỉnh Thái Nguyên thành lập Ban Quản lý dự án chè tỉnh Thái Nguyên với nhiệm vụ: chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lập phương án tổ chức trồng mới, phục hồi, cải tạo và thảm canh chè theo vùng; chỉ đạo phương án chè biến đổi với tiêu thụ; chỉ đạo đội ngũ cán bộ khuyến nông chè cơ sở hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích chè trồng mới, các mô hình giống mới, mô hình cải tạo chè, mô hình sản xuất chè hữu cơ. Từ đó đã hình thành nên đội ngũ chuyên gia trong quản lý và sản xuất chè.

Thứ năm, về xúc tiến thương mại: Để mở rộng thị trường tiêu thụ, tỉnh Thái Nguyên có nhiều chính sách như: hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nghiệp, các địa phương tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại; khuyến khích, giúp đỡ doanh nghiệp kinh doanh chè đăng ký chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, đăng ký thương hiệu hàng hóa; tham gia các hội chợ triển lãm do Trung ương và các địa phương trong nước tổ chức; tham quan, học tập, khao sát thị trường trong nước và quốc tế... Nhờ thực hiện có hiệu quả những chính sách trên, chè búp khô của Thái Nguyên được nhiều địa phương trong cả nước biết đến, thị trường xuất khẩu chè chủ yếu là Irắc, Liên bang Nga, EU. Điểm mới trong những giải pháp nhằm quảng bá thương hiệu chè Thái Nguyên đó là tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng được "Không gian văn hóa chè Thái Nguyên" với quy mô gần 37.000 m² trên vùng đất chè nổi tiếng Tân Cương. Đây không chỉ là nơi bảo tồn, lưu giữ và tôn vinh văn hóa chè Thái Nguyên mà thông qua những hoạt động đã thu hút lượng du khách tương đối lớn nhằm quảng bá du lịch cho tỉnh Thái Nguyên. Ngoài ra, hai năm một lần, Festivan chè Thái Nguyên lại được tổ chức nhằm quảng bá rộng rãi thương hiệu ra thị trường quốc tế.

Thứ sáu, về thực hiện Đề án mô hình chuyển cơ cấu giống chè: được áp dụng tại huyện Đồng Hỷ, huyện Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên. Kết quả của mô hình trên cho thấy: giống chè LDPI có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, khả năng chống chịu với điều kiện ngoại cảnh tương đương với giống Trung du, thời gian kiến thiết ngắn hơn so với giống chè Trung du từ 1-1,5 năm; năng suất cao hơn 2,5-3 tấn chè búp tươi/ha/năm; chất lượng tốt có giá bán trên thị trường cao gấp 1,5 lần so với giống chè Trung du. Tại huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên, giống chè Keo Am Tich, PT95 và Phúc Văn Tiên đều vào trồng đều có tỷ lệ sống cao từ 95-98%, có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, hương thơm nhẹ và có khả năng chống chịu sâu bệnh khá. Qua mô hình trên, giống chè như Keo Am Tich, Phúc Văn Tiên, LDPI được đưa vào trồng, dần thay thế các giống chè Trung du.

2. Những kết quả đạt được

- Năng suất, sản lượng, diện tích chè tăng qua các năm: **Về diện tích:** Năm 1997, tỉnh Thái Nguyên có 9.656 ha chè gieo trồng, năm 2005 là 15.931 ha (diện tích chè thu hoạch là 13.737 ha, đạt 86,2%), diện tích năm 2010 là 17.661 ha (diện tích chè thu hoạch là 16.289 ha, đạt 92,2%). **Về sản lượng:** Năm 1997, sản lượng chè là 38.28 tấn, năm 2006, sản lượng là 129.931 tấn, năm 2010 là 171.889 tấn, gấp 4,5 lần so với năm 1997. **Về năng suất:** Cùng với sự gia tăng về diện tích sản lượng, việc chuyển đổi giống chè đã đưa năng suất chè búp tươi từ 39,6 tạ/ha (1997) lên 66,3 tạ/ha (2005) và hơn 100 tạ/ha (2010). Các giống chè được đưa vào san trồng mới, thay thế những diện tích chè đã thoái hóa, xuống cấp là giống chè cần năng suất, chất lượng như: LDPI, Keo Am Tich, Phúc Văn Tiên, Kim Tuyên, PH8, PH9... Nhờ đó giá trị thu nhập bình quân của người làm chè tăng

từ 36,5 triệu đồng/ha (2005) lên gần 55 triệu đồng/ha (2010).

Với con số đó, Thái Nguyên trở thành địa phương có diện tích và sản lượng chè đứng thứ 2 Việt Nam chiếm 15% về diện tích, 19% về sản lượng. (Địa phương có diện tích thu hoạch chè và sản lượng lớn nhất cả nước là tỉnh Lâm Đồng với diện tích 25.000 ha và sản lượng gần 200.000 tấn chè búp tươi mỗi năm, chiếm đến 25% diện tích và 27% sản lượng).

- Về quy hoạch: Tỉnh Thái Nguyên quy hoạch được 3 vùng chè đặc sản: 1) Vùng chè Tân Cương (thành phố Thái Nguyên): gồm 3 xã Phúc Xuân, Phúc Trìu và Tân Cương, tổng diện tích 4.861,8 ha. Chè Tân Cương đã khẳng định thương hiệu trên thị trường trên 100 năm nay. Chè Tân Cương là một trong 5 sản phẩm quốc gia được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý trên toàn quốc. 2) Vùng chè La Bằng (huyện Đại Từ): vùng chè này nằm sát chân núi Tam Đảo với trên 328 ha diện tích trồng chè, năng suất bình quân 90tạ/ha. 3) Vùng chè Trại Cái-Minh Lập (Đồng Hỷ): diện tích trên 460 ha chè canh tác, chủ yếu giống chè Trung du. Sản lượng chè búp tươi đạt khoảng 4 200 tấn diện chè búp tươi/năm.

- Về phát triển vùng nguyên liệu: từ năm 2006, trung bình mỗi năm, tỉnh Thái Nguyên tổ chức trồng mới và trồng lại bình quân 1.000 ha các giống chè mới năng suất, chất lượng cao. Để đảm bảo chất lượng chè nguyên liệu, tỉnh có chính sách hỗ trợ nông dân đầu tư thâm canh trong đó có áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP - Vietnamese Good Agricultural Practices). Từ năm 2009, mô hình đầu tiên sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP đã được thực hiện ở xã Hòa Bình (Đồng Hỷ), sau đó tiếp tục được triển khai tại nhiều địa phương ở các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hóa, Võ Nhai, Phổ Yên,

Phú Lương và thành phố Thái Nguyên, với tổng diện tích khoảng 200 ha.

- Về chế biến: Đến năm 2010, tỉnh có 29 doanh nghiệp, trong đó có 17 doanh nghiệp có hoạt động thu mua chè búp tươi để chế biến sản phẩm, sản lượng chế biến đạt 37.400 tấn, trong đó chế biến công nghiệp đạt 6.385 tấn, bằng 17% tổng sản lượng. Sản phẩm chè chế biến công nghiệp chủ yếu là chè đen, chè xanh xuất khẩu. Còn lại phần lớn sản lượng chè được chế biến thủ công với nguyên liệu chè búp tươi được nông dân sơ chế bằng máy sao tẩm quay, máy vò, chỉ có vùng chè đặc sản mới chế biến chè thành phẩm.

- Về tiêu thụ chè: Chè Thái Nguyên không chỉ bó hẹp ở thị trường nội địa, mà đã được xuất khẩu sang nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới như Nga, Mỹ, Nhật Bản, các nước Châu Âu, vùng Trung Đông...

Phát triển cây chè với quy mô và chất lượng ngày càng cao đã thực sự đem lại cuộc sống ổn định cho hàng trăm nghìn hộ dân ở Thái Nguyên. Đó là cơ sở, động lực để Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập trung hỗ trợ phát triển chè ở các huyện còn tiềm năng như Phú Bình, Võ Nhai.

1. Xem Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên *Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*, Thái Nguyên, 1997

2, 3. Xem Tỉnh ủy Thái Nguyên: "Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên". Thái Nguyên, 1998, tr 1, 2

4. Xem Tỉnh ủy Thái Nguyên. "Chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006-2010", Thái Nguyên, 2006, tr. 5

5. Xem Cục Thống kê Thái Nguyên: *Nhiên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2012*, Thái Nguyên, 2012, tr. 175-177